TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mỹ;

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Minh C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông C vắng mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, bản tự khai và các biên bản khác trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày:

Năm 2012, bà Hồ Thị Thanh T và ông Phạm Minh C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2012, quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2012.

Qua thời gian chung sống, bà T và ông C thấy không hạnh phúc, đã có nhiều lần cãi vã, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, ông C không lo làm ăn và quan tâm đến gia đình. Vào năm 2014, ông C có người phụ nữ khác ở bên ngoài và thường xuyên đi sớm về khuya. Đã nhiều lần ông bà tự hàn gắn nhưng không được. Đến tháng 9/2014, bà T đã dọn ra ở riêng và ly thân với ông C. Đến nay, tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Minh C.

Về con chung: Bà T khai không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Minh C mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Hồ Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Minh C, căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn".

Bị đơn là ông Phạm Minh C cư trú tại số 30/6A, Đường 24, Khu phố 2, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn là ông Phạm Minh C đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 05/9/2017 và ngày 26/9/2017, nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 2278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của bà T là đúng theo quy định của pháp luật và việc bà T vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà Hồ Thị Thanh T và ông Phạm Minh C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/01/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ lời khai tại bản tự khai, lời trình bày trong các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T thì trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến tháng 9/2014, bà T đã dọn ra ở riêng và ly thân với ông C từ đó đến nay. Bà T xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài.

Theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng hôn nhân của ông Phạm Minh C và bà Hồ Thị Thanh T tại Phiếu yêu cầu xác minh số 240/PYCXM ngày 01/6/2017 như sau: "Bà Hồ Thị Thanh T và ông Phạm Minh C ngụ tại địa chỉ 30/6A Đường 24, Khu phố 2, phường Cát Lái, Quận 2 đã ly thân 2 năm. Hiện tại bà Hồ Thị Thanh T không còn ở địa chỉ trên. Nguyên nhân ly thân do mâu thuẫn gia đình".

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Minh C mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông C đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hồ Thị Thanh T và ông Phạm Minh C là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông C là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Do bà Hồ Thị Thanh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Phạm Minh C không phải chịu án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Minh C.

Về con chung: Bà T khai không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Hồ Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà Tuyền đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AE/2014/0008095 ngày 30/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà T đã nộp đủ án phí. Ông C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Hồ Thị Thanh T và ông Phạm Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc